TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/3/2023
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hòa;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Sơn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2023/TLST - HNGĐ ngày 16/01/2023 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị S - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 20, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Lý Văn L - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn L, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vàng Thị S trình bày: Theo như bản sao giấy chứng nhận kết hôn chị S đã cung cấp cho Tòa án thì chị và anh Lý Văn L có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2009 tại UBND xã Cốc San nhưng chị S không được đến UBND xã Cđể thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và cũng không được cấp giấy chứng nhận kết hôn bản gốc. Khi chị S xin cho con đi học thì anh L có đưa cho chị bản sao giấy đăng ký kết hôn. Do đã có con chung nên chị S không có ý kiến gì và chung sống bình thường với anh L từ đó đến nay. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ

chồng không cải thiện được. Đến nay chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lý Văn L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lý Gia An sinh ngày 01/7/2010. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lý Gia A đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lý Văn L trình bày: Anh L xác định mặc dù chị S cung cấp choTòa án bản sao đăng ký kết hôn tại UBND xã Cốc San, tuy nhiên anh và chị S không đến UBND xã Cốc San thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên không có giấy chứng nhận kết hôn bản gốc. Nguồn gốc của giấy chứng nhận kết hôn bản sao trên là do anh có quen biết với Phó chủ tịch UBND xã Cốc San thời điểm đó là ông Nông Thế M nên ông M đã cấp cho anh bản sao trên. Về mâu thuẫn vợ chồng như chị S trình bày là đúng. Đến nay chị S có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh L nhất trí ly hôn. Về con chung, anh nhất trí để chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lý Gia A sinh ngày 01/7/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vàng Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh L nhất trí giải quyết ly hôn và nhất trí về con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Vàng Thị S và anh Lý Văn L. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về con chung: Giao cháu Lý Gia An sinh ngày 01/7/2010 cho chị Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh L về chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị S cung cấp 01 bản sao đăng ký kết hôn do UBND xã Cốc San cấp ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 10/11/2009. Theo công văn số 24 ngày 20/02/2023 và công văn số 41 ngày 07/3/2023 của UBND xã Cốc San đã xác định UBND xã Cốc San không có trường hợp nào tên Vàng Thị S sinh năm 1989 và Lý Văn L sinh năm 1959 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Cốc San; Đối với bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa chị S và anh L, UBND xã Cxác định bản sao không có "Số, quyển số" không đảm bảo quy định về Nguyên tắc ghi bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hổ tịch theo điều 61 Nghị định 58/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch do đó bản sao Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị S và anh L không có giá trị pháp lý. Mặt khác tại các biên bản lấy lời khai của cán bộ tư pháp ông Nguyễn Văn H và chủ tịch UBND xã Cốc San ông Hoàng Xuân P tại thời điểm năm 2009 đều xác định không được thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anh L và chị S. Lời khai của ông Nông Thế Mạnh là phó chủ tịch của UBND xã Cốc San thời điểm năm 2014 xác định có ký cấp bản sao trên nhưng ông Mạnh không biết rõ chị S anh L có đăng ký kết hôn tại xã hay không? Lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử xác định bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lý Văn L và chị Vàng Thị S không có giá trị pháp lý, hôn nhân giữa chị S và anh Lh được xác định là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị S, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Xét thấy quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Lý Gia An sinh ngày 01/7/2010. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị S và anh L đều thống nhất thỏa thuận để chị Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lý Gia A đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị S có nghề nghiệp (mở quán tóc) mức thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, cháu An có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận trên giữa các đương sự là phù hợp với điều 15; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[4]Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Chị Vàng Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; Điều 15; khoản 2 điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị S và anh Lý Văn L

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao cháu Lý Gia A sinh ngày 01/7/2010 cho chị Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lý Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lý Văn L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị S phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000022 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND xã Cốc San, TP Lào Cai;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

Vũ Thị Hòa **Hoàng Văn Ngân**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

Vũ Thị Hòa **Bùi Xuân Hưởng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Nghĩa Đô
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh